



fěn hóng sè
粉红色

noun · pink color

Example Sentences

Tā xǐ huān chuān fěn hóng sè de qún zi.
她喜欢穿粉红色的裙子。

She likes to wear pink skirts.

Fěn hóng sè de huā duǒ zài yáng guāng xià hěn piào liang.
粉红色的花朵在阳光下很漂亮。

The pink flowers are very beautiful in the sunlight.

Trace each character, then write the word on your own.

粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉	粉
粉	粉									
红	红	红	红	红	红	红	红	红		
色	色	色	色	色	色	色	色	色		